

Số: 35/2000/NQ-QH10

Hà Nội, ngày 09 tháng 6 năm 2000

NGHỊ QUYẾT
VỀ VIỆC THI HÀNH LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
QUỐC HỘI NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ vào Điều 84 của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

QUYẾT NGHỊ

1. Luật hôn nhân và gia đình của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 09 tháng 6 năm 2000 được gọi là Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

2. Chính phủ, Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, tự mình hoặc phối hợp tổ chức việc rà soát các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình hiện hành để huỷ bỏ, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới, đề nghị Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội huỷ bỏ, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới cho phù hợp với quy định của Luật này, bảo đảm hiệu lực của Luật từ ngày 01 tháng 01 năm 2001.

3. Việc áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 11 của Luật này được thực hiện như sau:

a) Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Toà án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

b) Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Toà án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.

Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng;

c) Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2001 trở đi, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 của Nghị quyết này, nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng; nếu có yêu cầu ly hôn thì Toà án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì Toà án áp dụng khoản 2 và khoản 3 Điều 17 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.

4. Việc Toà án áp dụng pháp luật về hôn nhân và gia đình để giải quyết các vụ, việc về hôn nhân và gia đình được quy định như sau:

a) Đối với những vụ, việc mà Toà án đã thụ lý trước ngày 01 tháng 01 năm 2001 thì áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 để giải quyết;

b) Đối với những vụ, việc mà Toà án thụ lý từ ngày 01 tháng 01 năm 2001 thì áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết;

c) Không áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Nghị quyết này để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm đối với những vụ, việc mà Toà án đã áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 để giải quyết.

5. Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết này.

Chính phủ, Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận tuyên truyền, phổ biến rộng rãi Luật hôn nhân và gia đình nhằm phát huy tác dụng của Luật hôn nhân và gia đình trong việc xây dựng và củng cố gia đình Việt Nam no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá X, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 09 tháng 6 năm 2000.

